

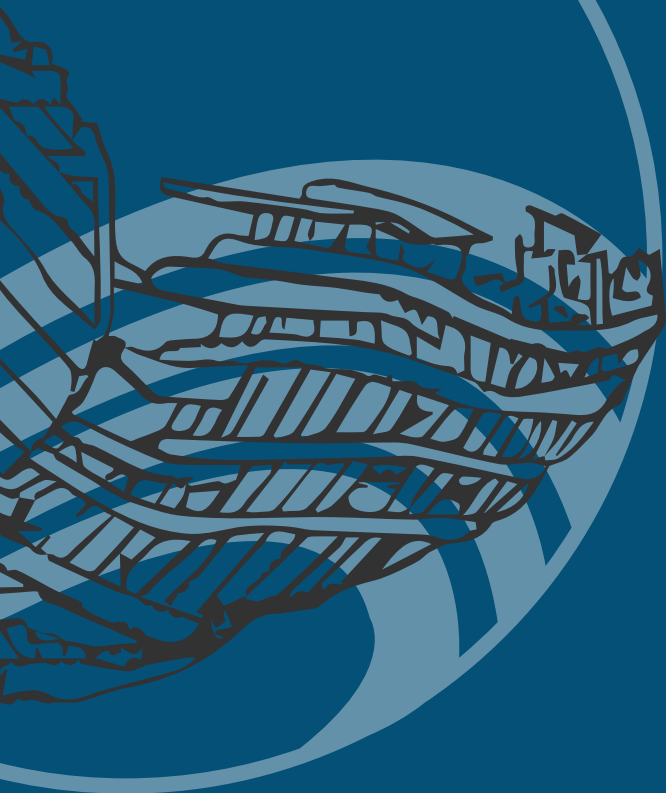


United Nations
Educational, Scientific and
Cultural Organization



The Protection of the
Underwater Cultural Heritage

Công ước Bảo vệ Di sản văn hóa dưới nước





United Nations
Educational, Scientific and
Cultural Organization



The Protection of
the Underwater Cultural
Heritage

CÔNG ƯỚC VỀ BẢO VỆ DI SẢN VĂN HÓA DƯỚI NƯỚC





United Nations
Educational, Scientific and
Cultural Organization



The Protection of
the Underwater Cultural
Heritage

Văn phòng UNESCO tại Việt Nam

23 Cao Bá Quát, Ba Đình, Hà Nội

Tel: 043 747 0275

Email: registry@unesco.org.vn

<http://unesco.org/new/en/hanoi>

Biên dịch: Cục Di sản Văn hóa, Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch

Hiệu đính và in ấn: Văn phòng UNESCO tại Việt Nam



CÔNG ƯỚC VỀ BẢO VỆ DI SẢN VĂN HÓA DƯỚI NƯỚC

Đại Hội đồng Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa Liên Hợp Quốc, tại kỳ họp thứ 31 tại Paris từ ngày 15 tháng 10 tới ngày 3 tháng 11 năm 2001,

Nhận thức được tầm quan trọng của di sản văn hóa dưới nước là một bộ phận mật thiết của di sản văn hóa của nhân loại, đồng thời là một yếu tố đặc biệt quan trọng đối với lịch sử các dân tộc, quốc gia, và các mối quan hệ liên quan tới kho tàng di sản chung,

Nhận thấy tầm quan trọng của việc bảo vệ và bảo tồn di sản văn hóa dưới nước và trách nhiệm này thuộc về tất cả các quốc gia,

Nhận thấy mỗi quan tâm và tôn trọng ngày càng tăng của công chúng về di sản văn hóa dưới nước,

Được thuyết phục bởi tầm quan trọng của nghiên cứu, thông tin và giáo dục đối với công tác bảo vệ và bảo tồn di sản văn hóa dưới nước,

Được thuyết phục bởi quyền được hưởng các lợi ích giáo dục và giải trí của công chúng từ việc tiếp cận không xâm phạm và có trách nhiệm tới các di sản văn hóa dưới nước, cũng như đóng góp của giáo dục cộng đồng đối với sự nhận thức, tôn trọng và bảo vệ các di sản đó,

Nhận thức được thực tế rằng di sản văn hóa dưới nước đang bị đe dọa bởi các hoạt động trái phép có tác động trực tiếp, và sự cần thiết phải có các biện pháp mạnh mẽ hơn nhằm ngăn chặn các hoạt động này,

Ý thức được sự cần thiết của việc có phản ứng phù hợp trước các tác động tiêu cực đối với di sản văn hóa dưới nước do các hoạt động hợp pháp vô tình gây ra,

Quan ngại sâu sắc trước việc khai thác thương mại di sản văn hóa dưới nước, đặc biệt là các hoạt động nhằm mục đích mua bán, chuyển nhượng hay trao đổi di sản văn hóa dưới nước,

Ý thức được sự sẵn có của các công nghệ hiện đại có thể tăng cường khả năng phát hiện và tiếp cận di sản văn hóa dưới nước,

Tin tưởng rằng việc hợp tác giữa các Quốc gia, các tổ chức quốc tế, các tổ chức khoa học, các tổ chức chuyên nghiệp, các nhà khảo cổ học, thợ lặn, các bên liên quan khác và công chúng nói chung là điều cần thiết để bảo vệ di sản văn hóa dưới nước,

Xét thấy việc khảo sát, khai quật và bảo vệ di sản văn hóa dưới nước đòi hỏi các phương pháp khoa học đặc biệt và việc sử dụng các kỹ thuật và thiết bị phù hợp cũng như mức độ chuyên môn nghiệp vụ cao, đòi hỏi các tiêu chí quản lý thống nhất,

Nhận thấy sự cần thiết của việc hệ thống hóa và từng bước phát triển các quy định liên quan tới việc bảo vệ và bảo tồn di sản văn hóa dưới nước phù hợp với luật pháp và thông lệ quốc tế, bao gồm Công ước của UNESCO về Các biện pháp Nghiêm cấm và Ngăn chặn việc Xuất Nhập khẩu và Chuyển giao Quyền sở hữu Di sản Văn hóa Bất hợp pháp ngày 14 tháng 11 năm 1970, Công ước của UNESCO về Bảo vệ Di sản Văn hóa và Thiên nhiên Thế giới ngày 16 tháng 11 năm 1972 và Công ước của Liên Hợp Quốc về Luật biển ngày 10 tháng 12 năm 1982,

Cam kết cải thiện hiệu quả các biện pháp bảo tồn tại chỗ, hoặc nếu cần thiết, để phục vụ các mục đích khoa học hoặc bảo vệ, phục hồi một cách thận trọng các di sản văn hóa dưới nước, ở cấp độ quốc tế, khu vực và quốc gia,

Đã quyết định tại kỳ họp lần thứ 29 rằng vấn đề này cần trở thành chủ đề của một Công ước quốc tế,

Công ước này được thông qua vào ngày 2 tháng 11 năm 2001.

Điều 1 Định nghĩa

Vì các mục đích của Công ước:

1. (a) “Di sản văn hóa dưới nước” có nghĩa là tất cả các dấu vết của sự tồn tại của nhân loại mang tính văn hoá, lịch sử hoặc khảo cổ nằm một phần hoặc hoàn toàn dưới nước, theo chu kỳ hoặc liên tục, trong ít nhất 100 năm, chẳng hạn như:
 - (i) các địa điểm, cấu trúc, nhà cửa, đồ tạo tác và hài cốt con người, cùng với bối cảnh khảo cổ và tự nhiên của chúng;
 - (ii) tàu thuyền, máy bay, các phương tiện vận tải hoặc bộ phận đi kèm, hàng hóa và các đồ đặc khác, cùng với bối cảnh khảo cổ và tự nhiên của chúng; và
 - (iii) các hiện vật mang các đặc tính thời tiền sử.
- (b) Đường ống và dây cáp tại đáy biển không được coi là di sản văn hóa dưới nước.
- (c) Các trang thiết bị khác ngoài đường ống và dây cáp tại đáy biển và đang được sử dụng cũng không được coi là di sản văn hóa dưới nước.
2. (a) “Các Quốc gia Thành viên” có nghĩa là các Quốc gia đã đồng ý chịu ràng buộc của Công ước cũng như chịu hiệu lực thi hành của Công ước.
- (b) Công ước áp dụng với sửa đổi cần thiết cho các vùng lãnh thổ nêu trong Điều 26, mục 2(b), trở thành Thành viên của Công ước theo như các điều kiện quy định tại mục đó, và trong giới hạn này, “các Quốc gia Thành viên” chỉ những vùng lãnh thổ đó.
3. “UNESCO” có nghĩa là Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa Liên Hợp Quốc.
4. “Tổng Giám đốc” có nghĩa là Tổng Giám đốc của UNESCO.

5. “Khu vực” có nghĩa là tầng đáy biển, đáy đại dương và lòng đất dưới đáy đại dương, vượt ra ngoài giới hạn quyền lực pháp lý quốc gia.
6. “Các hoạt động nhằm trực tiếp vào di sản văn hóa dưới nước” có nghĩa là các hoạt động đặt di sản văn hóa dưới nước là đối tượng chính và có thể gây ảnh hưởng trực tiếp hoặc gián tiếp hoặc làm tổn hại tới các di sản văn hóa dưới nước.
7. “Các hoạt động vô tình ảnh hưởng tới di sản văn hóa dưới nước” có nghĩa là các hoạt động, mặc dù không coi di sản văn hóa dưới nước là đối tượng chính hoặc một trong các đối tượng, nhưng vẫn gây ảnh hưởng hoặc làm tổn hại tới các di sản văn hóa dưới nước.
8. “Tàu thủy và máy bay quốc gia” có nghĩa là các tàu chiến, các loại tàu hoặc máy bay khác mà Nhà nước làm chủ sở hữu hoặc điều hành, và tại thời điểm chìm, chỉ được sử dụng cho các mục đích chính phủ phi thương mại và đáp ứng định nghĩa di sản văn hóa dưới nước.
9. “Quy tắc” có nghĩa là các Quy tắc liên quan tới các hoạt động trực tiếp nhằm vào di sản văn hóa dưới nước, như đã đề cập trong Điều 33 của Công ước.

Điều 2 Các mục tiêu và nguyên tắc chung

1. Công ước nhằm mục đích đảm bảo và tăng cường công tác bảo vệ di sản văn hóa dưới nước.
2. Các Quốc gia Thành viên có trách nhiệm hợp tác trong việc bảo vệ di sản văn hóa dưới nước.
3. Các Quốc gia Thành viên có trách nhiệm bảo tồn di sản văn hóa dưới nước vì lợi ích nhân loại theo các quy định của Công ước.
4. Các Quốc gia Thành viên có trách nhiệm, đơn lẻ hoặc hợp tác khi phù hợp, thực hiện các biện pháp phù hợp theo Công ước và theo luật pháp quốc tế và cần thiết cho việc bảo vệ di sản văn hóa dưới nước, và sử dụng cho mục đích này những phương pháp thực tiễn nhất có thể và theo khả năng của mình.

5. Việc bảo tồn di sản văn hóa dưới nước tại chỗ phải được coi là lựa chọn tối ưu trước khi cho phép hay tham gia vào các hoạt động trực tiếp nhằm vào di sản.
6. Di sản văn hóa dưới nước đã được khai quật phải được lưu giữ, bảo tồn và quản lý nhằm đảm bảo việc gìn giữ di sản lâu dài.
7. Di sản văn hóa dưới nước không được phép khai thác vì mục đích thương mại.
8. Phù hợp với thực tế Quốc gia và luật pháp quốc tế, trong đó có Công ước về Luật biển của Liên Hợp Quốc, không điểm nào trong Công ước được coi là làm thay đổi các quy định luật pháp quốc tế và thông lệ Quốc gia liên quan đến việc cấm xâm phạm chủ quyền, cũng như quyền hạn của Quốc gia khác đối với tàu thuyền và máy bay của một Quốc gia.
9. Các Quốc gia Thành viên có trách nhiệm đảm bảo việc tôn trọng tất cả các di hài nằm trong vùng hải phận.
10. Việc tiếp cận có trách nhiệm và không xâm phạm nhằm quan sát hay tư liệu hóa tại chỗ các di sản văn hóa dưới nước phải được khuyến khích nhằm tạo ra nhận thức, tôn trọng và việc bảo vệ của công chúng đối với di sản, trừ trường hợp việc tiếp cận là không phù hợp với công tác bảo vệ và quản lý.
11. Không có hành động hay hoạt động nào thực hiện trên cơ sở Công ước có thể được dùng làm căn cứ cho việc đòi hỏi, tranh chấp hoặc tranh cãi liên quan đến bất kỳ tuyên bố nào về chủ quyền hoặc quyền tài phán quốc gia.

Điều 3 **Mối quan hệ giữa Công ước này và Công ước về Luật biển của Liên Hợp Quốc**

Không điều khoản nào trong Công ước có thể gây ảnh hưởng tới các quyền, quyền tài phán và trách nhiệm của các Quốc gia theo luật pháp quốc tế, trong đó có Công ước về Luật biển của Liên Hợp Quốc. Công ước phải được hiểu và áp dụng trong bối cảnh và cách thức phù hợp với luật pháp quốc tế, trong đó có Công ước về Luật biển của Liên Hợp Quốc.

Điều 4 Mỗi quan hệ với luật cứu hộ và luật tìm kiếm

Bất kỳ hoạt động nào liên quan tới di sản văn hóa dưới nước có áp dụng Công ước sẽ không chịu ảnh hưởng của luật cứu hộ và luật tìm kiếm, trừ khi:

- (a) được ủy quyền bởi các cơ quan có thẩm quyền, và
- (b) phù hợp hoàn toàn với Công ước, và
- (c) đảm bảo rằng việc phục hồi di sản văn hóa dưới nước được bảo vệ một cách tối đa.

Điều 5 Các hoạt động vô tình ảnh hưởng tới di sản văn hóa dưới nước

Mỗi Quốc gia Thành viên có trách nhiệm sử dụng các phương pháp khả thi nhất có thể để ngăn chặn hoặc giảm thiểu các tác động bất lợi có thể phát sinh từ các hoạt động thuộc thẩm quyền của mình mà vô tình ảnh hưởng tới di sản văn hóa dưới nước.

Điều 6 Các thỏa thuận song phương, khu vực hoặc đa phương

1. Các Quốc gia Thành viên được khuyến khích phát triển các thỏa thuận song phương, khu vực hoặc đa phương hoặc đẩy mạnh các thỏa thuận hiện hành, đối với việc bảo tồn di sản văn hóa dưới nước. Tất cả những thỏa thuận này phải tuân theo một cách sát sao các quy định của Công ước này và không được làm giảm nhẹ đặc tính toàn cầu của nó. Theo các thỏa thuận này, các Quốc gia có thể áp dụng các quy tắc và quy định nhằm bảo vệ các di sản văn hóa dưới nước tốt hơn so với các quy định trong Công ước.
2. Các bên tham gia vào các thỏa thuận song phương, khu vực hoặc đa phương này có thể mời các Quốc gia có mối liên hệ tới di sản văn hóa dưới nước có liên quan đặc biệt là trên phương diện văn hóa, lịch sử hoặc khảo cổ để tham gia vào thảo luận này.
3. Công ước này không làm thay đổi quyền hạn và nghĩa vụ của các Quốc gia Thành viên trong việc bảo vệ các tàu đắm, phát sinh từ các thỏa thuận song phương, khu vực và đa phương đã được ký

kết trước khi áp dụng công ước này, đặc biệt là trong những điều khoản phù hợp với mục đích của Công ước.

Điều 7 Di sản văn hóa dưới nước trong vùng nội thủy, vùng nước quần đảo và vùng lãnh hải

1. Trong việc thực hiện chủ quyền, các Quốc gia Thành viên hoàn toàn có quyền điều chỉnh và cho phép các hoạt động nhằm vào di sản văn hóa dưới nước trong vùng nội thủy, vùng nước quần đảo và vùng lãnh hải của mình.
2. Các Quốc gia Thành viên có thể yêu cầu việc áp dụng các Quy tắc đối với các hoạt động nhằm vào di sản văn hóa dưới nước trong vùng nội thủy, vùng nước quần đảo và vùng lãnh hải của mình mà không làm ảnh hưởng tới các thỏa thuận và các quy tắc luật pháp quốc tế khác liên quan tới công tác bảo vệ di sản văn hóa dưới nước.
3. Trong vùng quần đảo và vùng lãnh hải, với việc thực hiện chủ quyền và công nhận thông lệ phổ biến giữa các Quốc gia, các Quốc gia Thành viên, với quan điểm hợp tác trong các biện pháp hiệu quả nhất để bảo vệ tàu chiến và máy bay, phải thông báo tới Quốc gia có chủ quyền và là thành viên của Công ước, và nếu phù hợp, tới các Quốc gia có liên quan, đặc biệt là trên phương diện văn hóa, lịch sử hoặc khảo cổ, đối với việc phát hiện ra tàu chiến và máy bay của Quốc gia này.

Điều 8 Di sản văn hóa dưới nước trong vùng tiếp giáp lãnh hải

Nếu không có gì ảnh hưởng và bên cạnh Điều 9 và Điều 10, và phù hợp với Điều 303, mục 2, trong Công ước về Luật biển của Liên Hợp Quốc, các Quốc gia Thành viên có thể quy định và cho phép các hoạt động nhằm vào di sản văn hóa dưới nước trong vùng tiếp giáp lãnh hải của quốc gia mình. Trong trường hợp này, họ phải yêu cầu áp dụng các Quy tắc.

Điều 9 Báo cáo và thông báo trong vùng đặc quyền kinh tế và khu thềm lục địa

1. Tất cả các Quốc gia Thành viên đều có trách nhiệm bảo vệ di sản văn hóa dưới nước trong vùng đặc quyền kinh tế và khu thềm lục địa theo các quy định trong Công ước. Theo đó:
 - (a) một Quốc gia Thành viên có thể yêu cầu rằng khi tàu của quốc gia, hoặc tàu treo cờ quốc gia đó, phát hiện ra hoặc có ý định tham gia vào các hoạt động tác động trực tiếp tới di sản văn hóa dưới nước trong vùng đặc quyền kinh tế hoặc thềm lục địa, thuyền trưởng của tàu này phải có trách nhiệm báo cáo phát hiện hoặc hoạt động này tới quốc gia đó;
 - (b) trong vùng đặc quyền kinh tế hoặc trong khu thềm lục địa của một Quốc gia Thành viên khác:
 - (i) các Quốc gia Thành viên phải yêu cầu thuyền trưởng của phương tiện này báo cáo việc phát hiện hoặc hoạt động này tới nước mình và Quốc gia Thành viên kia;
 - (ii) hoặc, một Quốc gia Thành viên phải yêu cầu thuyền trưởng của phương tiện này báo cáo việc phát hiện hoặc hoạt động này cho mình, và đảm bảo việc truyền tải nhanh chóng các báo cáo này tới các Quốc gia Thành viên khác.
2. Khi lưu giữ các văn bản phê chuẩn, chấp thuận, thông qua hoặc gia nhập, một Quốc gia Thành viên có trách nhiệm tuyên bố cách thức chuyển giao các báo cáo theo mục 1(b) của Điều khoản này.
3. Một Quốc gia Thành viên có trách nhiệm thông báo cho Tổng Giám đốc về các phát hiện hoặc hoạt động đã được báo cáo cho Quốc gia đó theo mục 1 của Điều khoản này.
4. Tổng Giám đốc có trách nhiệm nhanh chóng thông báo tới tất cả các Quốc gia Thành viên những thông tin đã nhận được theo mục 3 của Điều khoản này.
5. Bất kỳ Quốc gia Thành viên nào cũng có thể tuyên bố tới Quốc gia Thành viên có di sản văn hóa dưới nước tại khu vực đặc quyền

kinh tế hoặc tại thềm lục địa, về việc họ muốn được tham vấn các cách thức đảm bảo việc bảo vệ hiệu quả các di sản văn hóa dưới nước. Tuyên bố này phải được dựa trên một mối liên hệ đã được kiểm chứng với di sản văn hóa dưới nước có liên quan, đặc biệt là trên phương diện văn hóa, lịch sử hoặc khảo cổ.

Điều 10 Việc bảo vệ di sản văn hóa dưới nước trong vùng đặc quyền kinh tế và khu thềm lục địa

1. Không cho phép bất kỳ hoạt động nào nhằm vào di sản văn hóa dưới nước trong vùng đặc quyền kinh tế hoặc khu thềm lục địa, ngoại trừ những trường hợp tuân theo các quy định trong Điều khoản này.
2. Nếu di sản văn hóa dưới nước nằm trong vùng đặc quyền kinh tế hoặc khu thềm lục địa của một Quốc gia Thành viên, Quốc gia đó có quyền ngăn cấm hoặc cho phép bất kỳ hoạt động nào nhằm vào di sản để ngăn chặn sự can thiệp vào chủ quyền hoặc quyền tài phán quốc gia theo quy định của luật pháp quốc tế, trong đó có Công ước về Luật biển của Liên Hợp Quốc.
3. Trong trường hợp phát hiện ra một di sản văn hóa dưới nước hoặc một hoạt động dự kiến nhằm vào di sản văn hóa dưới nước nằm trong vùng đặc quyền kinh tế hoặc khu thềm lục địa của mình, Quốc gia Thành viên có trách nhiệm:
 - (a) tham khảo ý kiến của tất cả các Quốc gia Thành viên khác đã tuyên bố quan tâm theo quy định trong mục 5, Điều 9 về cách thức tốt nhất để bảo vệ di sản văn hóa dưới nước;
 - (b) điều phối quá trình tham vấn với tư cách là “Quốc gia Điều phối”, trừ khi Quốc gia này đã tuyên bố rõ ràng sẽ không đảm nhiệm vai trò này. Trong trường hợp đó, các Quốc gia Thành viên đã tuyên bố quan tâm theo mục 5, Điều 9, sẽ cùng bổ nhiệm một Quốc gia Điều phối.
4. Không làm ảnh hưởng tới nghĩa vụ của tất cả các Quốc gia Thành viên trong công tác bảo vệ di sản văn hóa dưới nước bằng tất cả các biện pháp thiết thực phù hợp với luật pháp quốc tế nhằm ngăn chặn những nguy hiểm trước mắt có thể ảnh hưởng tới di sản văn

hóa dưới nước, trong đó có cướp bóc, Quốc gia Điều phối có thể thực hiện tất cả các biện pháp thiết thực và/hoặc đưa ra những quyết định cấp phép cần thiết phù hợp với Công ước, trước khi tham vấn nếu cần, để ngăn chặn mọi nguy hiểm trước mắt đối với các di sản văn hóa dưới nước, cho dù việc này phát sinh từ hoạt động của con người hay từ các nguyên nhân khác. Khi thực hiện các biện pháp này, có thể yêu cầu hỗ trợ từ các Quốc gia Thành viên khác.

5. Quốc gia Điều phối:

- (a) thực hiện các biện pháp bảo vệ được các Quốc gia đã được tham vấn, bao gồm cả Quốc gia Điều phối, thống nhất, trừ khi các Quốc gia được tham vấn, bao gồm cả Quốc gia Điều phối, đồng ý rằng một Quốc gia Thành viên khác sẽ thực hiện các biện pháp này;
- (b) tiến hành tất cả các thủ tục cấp phép cần thiết để thực hiện các biện pháp đã được thống nhất tuân thủ theo các Quy tắc, trừ khi các Quốc gia được tham vấn, trong đó có Quốc gia Điều phối, đồng ý rằng một Quốc gia Thành viên khác sẽ đảm nhiệm các thủ tục cấp phép đó;
- (c) có thể tiến hành bất kỳ nghiên cứu sơ bộ cần thiết nào về di sản văn hóa dưới nước và do vậy, có trách nhiệm tiến hành thủ tục cấp phép cần thiết, cũng như kịp thời thông báo kết quả tới Tổng Giám đốc. Tổng Giám đốc sẽ nhanh chóng chuyển những thông tin này tới các Quốc gia Thành viên khác.

6. Trong quá trình phối hợp tham vấn, thực hiện các biện pháp, tiến hành nghiên cứu sơ bộ và/hoặc tiến hành thủ tục cấp phép theo Điều khoản này, Quốc gia Điều phối phải đại diện cho các Quốc gia Thành viên khác chứ không vì lợi ích riêng. Những hành động này không được phép tạo cơ sở cho việc khẳng định bất kỳ quyền ưu đãi hay quyền tài phán nào không được quy định trong luật pháp quốc tế, trong đó có Công ước về Luật biển của Liên Hợp Quốc.

7. Theo các quy định trong mục 2 và 4 của Điều khoản này, không hoạt động nào tác động trực tiếp tới tàu thủy và máy bay được phép tiến hành mà không có thỏa thuận với Quốc gia sở hữu phương tiện này và hợp tác với Quốc gia Điều phối.

Điều 11 Các thỏa thuận song phương, khu vực hoặc đa phương

1. Các Quốc gia Thành viên có trách nhiệm bảo vệ di sản văn hóa dưới nước trong Khu vực phù hợp với Công ước và Điều 149 trong Công ước về Luật biển của Liên Hợp Quốc. Theo đó, khi một tàu thủy của một Quốc gia Thành viên hoặc mang cờ của quốc gia đó phát hiện ra hoặc có ý định tham gia vào các hoạt động trực tiếp tác động vào di sản văn hóa dưới nước trong Khu vực, Quốc gia Thành viên đó có trách nhiệm yêu cầu thuyền trưởng báo cáo việc phát hiện hoặc nội dung các hoạt động này.
2. Các Quốc gia Thành viên có trách nhiệm thông báo tới Tổng Giám đốc và Tổng Thư ký của Cơ quan Đáy biển Quốc tế về những phát hiện hoặc các hoạt động được báo cáo.
3. Tổng Giám đốc có trách nhiệm nhanh chóng chuyển những thông tin được cung cấp bởi các Quốc gia Thành viên này tới tất cả các Quốc gia Thành viên.
4. Bất kỳ Quốc gia Thành viên nào cũng có thể tuyên bố tới Tổng Giám đốc việc họ mong muốn được tham vấn về các cách thức đảm bảo việc bảo vệ hiệu quả các di sản văn hóa dưới nước. Tuyên bố này phải được dựa trên một mối liên hệ đã được kiểm chứng tới di sản văn hóa dưới nước có liên quan, đặc biệt lưu ý tới quyền ưu đãi dành cho các Quốc gia có nguồn gốc văn hóa, lịch sử hoặc khảo cổ học.

Điều 12 Bảo vệ di sản văn hóa dưới nước trong Khu vực

1. Không cho phép bất kỳ hoạt động nào tác động trực tiếp vào di sản văn hóa dưới nước trong Khu vực ngoại trừ các trường hợp phù hợp với các quy định của Điều khoản này.
2. Tổng Giám đốc sẽ mời tất cả các Quốc gia Thành viên đã tuyên bố quan tâm như trong Điều 11, mục 4, để tham khảo ý kiến về cách thức tốt nhất để bảo vệ di sản văn hóa dưới nước, và để bổ nhiệm một Quốc gia Thành viên nhận nhiệm vụ điều phối việc tham vấn này, được gọi là "Quốc gia Điều phối". Tổng Giám đốc cũng mời Cơ quan Đáy biển Quốc tế tham gia vào việc tham vấn này.

3. Tất cả các Quốc gia Thành viên có thể thực hiện tất cả các biện pháp thiết thực phù hợp với Công ước, trước khi tham vấn nếu cần thiết, để ngăn chặn bất kỳ nguy hiểm trước mắt nào cho di sản văn hóa dưới nước, cho dù điều này phát sinh từ các hoạt động của con người, hay từ các nguyên nhân khác, trong đó có việc cướp bóc.
4. Quốc gia Điều phối có trách nhiệm:
 - (a) thực hiện các biện pháp bảo vệ được các Quốc gia đã được tham vấn, bao gồm cả Quốc gia Điều phối, thống nhất, trừ khi các Quốc gia được tham vấn, bao gồm cả Quốc gia Điều phối, đồng ý rằng một Quốc gia Thành viên khác sẽ thực hiện các biện pháp này; và
 - (b) tiến hành tất cả các thủ tục cấp phép cần thiết để thực hiện các biện pháp đã được thống nhất tuân thủ theo các Quy tắc, trừ khi các Quốc gia được tham vấn, trong đó có Quốc gia Điều phối, đồng ý rằng một Quốc gia Thành viên khác sẽ đảm nhiệm các thủ tục cấp phép đó.
5. Quốc gia Điều phối có thể tiến hành bất kỳ nghiên cứu sơ bộ cần thiết nào về di sản văn hóa dưới nước, đồng thời tiến hành tất cả các thủ tục cấp phép cần thiết, và có trách nhiệm thông báo kết quả tới Tổng Giám đốc. Tổng Giám đốc sẽ chuyển những thông tin này đến với các Quốc gia Thành viên khác.
6. Trong quá trình phối hợp tham vấn, thực hiện các biện pháp, tiến hành nghiên cứu sơ bộ và/hoặc tiến hành tất cả các thủ tục cấp phép theo Điều khoản này, Quốc gia Điều phối phải thực hiện nhiệm vụ vì quyền lợi của toàn nhân loại, thay mặt cho tất cả các Quốc gia Thành viên khác. Đặc biệt lưu ý tới các quyền ưu đãi dành cho các Quốc gia có nguồn gốc văn hóa, lịch sử hoặc khảo cổ học của di sản văn hóa dưới nước liên quan.
7. Không Quốc gia Thành viên nào được phép thực hiện hoặc cho phép các hoạt động tác động trực tiếp vào tàu thủy và máy bay Quốc gia trong Khu vực khi chưa có sự đồng ý của Quốc gia sở hữu phương tiện này.

Điều 13 Quyền miễn tố

Các tàu chiến và tàu chính phủ hoặc máy bay quân sự có quyền miễn tố hoạt động vì các mục đích phi thương mại, khi triển khai các hoạt động thông thường và không tham gia vào các hoạt động tác động trực tiếp vào di sản văn hóa dưới nước, sẽ không có nghĩa vụ phải báo cáo các phát hiện về di sản văn hóa dưới nước theo Điều 9, Điều 10, Điều 11 và Điều 12 của Công ước. Tuy nhiên, các Quốc gia Thành viên phải đảm bảo, bằng việc áp dụng các biện pháp thích hợp mà không làm suy yếu các hoạt động hoặc khả năng hoạt động của các tàu chiến, tàu chính phủ hoặc máy bay quân sự có quyền miễn tố hoạt động vì các mục đích phi thương mại, rằng họ tuân thủ một cách hợp lý và thiết thực các Điều 9, Điều 10, Điều 11 và Điều 12 của Công ước.

Điều 14 Kiểm soát nhập cảnh vào lãnh thổ, kinh doanh và sở hữu

Các Quốc gia Thành viên có trách nhiệm thực hiện các biện pháp để ngăn chặn việc nhập cảnh vào lãnh thổ, việc kinh doanh hoặc sở hữu di sản văn hóa dưới nước đã được xuất khẩu trái phép và/hoặc trục vớt, khi việc trục vớt này đi ngược với Công ước.

Điều 15 Không sử dụng các khu vực thuộc quyền tài phán của các Quốc gia Thành viên

Các Quốc gia Thành viên có trách nhiệm thực hiện các biện pháp để nghiêm cấm việc sử dụng lãnh thổ, trong đó có các cảng hàng hải, cũng như các hòn đảo nhân tạo, hệ thống máy móc và công trình xây dựng hoàn toàn thuộc quyền tài phán hoặc quyền kiểm soát của mình, vào việc hỗ trợ các hành động có tác động trực tiếp vào di sản văn hóa dưới nước mà không phù hợp với Công ước.

Điều 16 Các biện pháp liên quan tới tàu thuyền quốc gia và treo cờ quốc gia

Các Quốc gia Thành viên có trách nhiệm thực hiện mọi biện pháp thiết thực để đảm bảo rằng các tàu thuyền của mình hoặc có treo cờ nước mình không tham gia vào bất kỳ hoạt động nào tác động trực tiếp vào di sản văn hóa dưới nước theo cách không phù hợp với Công ước.

Điều 17 Các lệnh xử phạt

1. Mỗi Quốc gia Thành viên có trách nhiệm xử phạt đối với các hành vi vi phạm các biện pháp được thực hiện nhằm thi hành Công ước.
2. Việc xử phạt áp dụng với các hành vi vi phạm phải tương xứng về mức độ nghiêm trọng để có hiệu quả trong việc đảm bảo sự phù hợp với Công ước, và để ngăn chặn các hành vi vi phạm có thể xảy ra, đồng thời tránh tình trạng những kẻ vi phạm được hưởng lợi từ các hoạt động bất hợp pháp.
3. Các Quốc gia Thành viên có trách nhiệm hợp tác để đảm bảo việc thực thi các biện pháp trừng phạt theo Điều khoản này.

Điều 18 Tịch thu và xử lý di sản văn hóa dưới nước

1. Mỗi Quốc gia Thành viên thực hiện các biện pháp đưa ra đối với việc tịch thu di sản văn hóa dưới nước nằm trong lãnh thổ quốc gia mình đã được khai quật không theo quy định của Công ước.
2. Mỗi Quốc gia Thành viên sẽ ghi chép, bảo vệ và thực hiện tất cả các biện pháp phù hợp để giữ sự ổn định cho di sản văn hóa dưới nước bị tịch thu theo Công ước.
3. Mỗi Quốc gia Thành viên thông báo tới Tổng Giám đốc và bất kỳ Quốc gia nào khác có mối liên kết có thể được kiểm chứng tới di sản văn hóa dưới nước có liên quan, đặc biệt là trong lĩnh vực văn hóa, lịch sử hoặc khảo cổ học, về việc tịch thu di sản văn hóa dưới nước đã được thực hiện theo Công ước.
4. Quốc gia Thành viên đã tịch thu di sản văn hóa dưới nước đảm bảo việc xử lý vì lợi ích cộng đồng, lưu ý đến sự cần thiết của việc bảo tồn và nghiên cứu; sự cần thiết của việc tổng hợp lại một bộ sưu tập bị phân tán; sự cần thiết của việc mở cửa, trưng bày và giáo dục dành cho công chúng; và lợi ích của bất kỳ Quốc gia nào với mối liên kết có thể được kiểm chứng đối với di sản văn hóa dưới nước có liên quan, đặc biệt là trong lĩnh vực văn hóa, lịch sử hoặc khảo cổ học.

Điều 19 Hợp tác và chia sẻ thông tin

1. Các Quốc gia Thành viên sẽ hợp tác và hỗ trợ lẫn nhau trong công tác bảo vệ và quản lý di sản văn hóa dưới nước theo Công ước, nếu có thể, bao gồm việc phối hợp trong quá trình điều tra, khai quật, tư liệu hóa, bảo tồn, nghiên cứu và trình bày di sản.
2. Trong phạm vi phù hợp với các mục đích của Công ước, mỗi Quốc gia Thành viên cam kết chia sẻ thông tin với các Quốc gia Thành viên khác về di sản văn hóa dưới nước, trong đó có việc phát hiện ra di sản, vị trí của di sản, việc khai quật hoặc trục vớt di sản trái với Công ước này hoặc vi phạm luật pháp quốc tế, các phương pháp luận và kỹ thuật khoa học phù hợp, và diễn biến pháp lý liên quan tới di sản này.
3. Các thông tin được chia sẻ giữa các Quốc gia Thành viên, hoặc giữa UNESCO và các Quốc gia Thành viên, liên quan tới việc phát hiện hoặc vị trí của di sản văn hóa dưới nước, trong mức độ tương thích với luật pháp quốc gia, phải được giữ bí mật và lưu trữ tại cơ quan có thẩm quyền tại các Quốc gia Thành viên, trong trường hợp việc tiết lộ các thông tin này có thể gây nguy hiểm hoặc ảnh hưởng tới việc bảo tồn các di sản văn hóa dưới nước.
4. Mỗi Quốc gia Thành viên thực hiện tất cả các biện pháp thiết thực để phổ biến thông tin về di sản văn hóa dưới nước đã bị khai quật hoặc trục vớt trái với Công ước hoặc vi phạm luật pháp quốc tế, nếu điều kiện cho phép, thông qua các cơ sở dữ liệu quốc tế phù hợp.

Điều 20 Nhận thức của công chúng

Mỗi Quốc gia Thành viên có trách nhiệm thực hiện các biện pháp thiết thực để nâng cao nhận thức công chúng về giá trị và tầm quan trọng của di sản văn hóa dưới nước, cũng như tầm quan trọng của việc bảo vệ các di sản đó theo Công ước.

Điều 21 Đào tạo khảo cổ học dưới nước

Các Quốc gia Thành viên sẽ hợp tác trong việc cung cấp các khóa đào tạo khảo cổ học dưới nước, các kỹ thuật cần thiết cho việc bảo tồn di sản văn hóa dưới nước và, theo thỏa thuận, trong việc chuyển giao công nghệ liên quan đến di sản văn hóa dưới nước.

Điều 22 Các cơ quan có thẩm quyền

1. Để đảm bảo việc thực hiện đúng Công ước này, các Quốc gia Thành viên thành lập các cơ quan có thẩm quyền hoặc củng cố những cơ quan hiện có trong hoàn cảnh thích hợp, với mục tiêu hỗ trợ việc thiết lập, duy trì và cập nhật việc kiểm kê di sản văn hóa dưới nước, cũng như việc bảo tồn, bảo vệ, trưng bày và quản lý, nghiên cứu và giáo dục một cách hiệu quả di sản văn hóa dưới nước.
2. Các Quốc gia Thành viên thông báo cho Tổng Giám đốc tên và địa chỉ của các cơ quan có thẩm quyền liên quan tới di sản văn hóa dưới nước.

Điều 23 Hội nghị các Quốc gia Thành viên

1. Tổng Giám đốc triệu tập một Hội nghị các Quốc gia Thành viên trong vòng một năm kể từ khi Công ước này có hiệu lực và sau đó Hội nghị sẽ được tổ chức ít nhất hai năm một lần. Khi đại đa số các Quốc gia Thành viên có yêu cầu, Tổng Giám đốc sẽ triệu tập một Hội nghị Bất thường của các Quốc gia Thành viên.
2. Hội nghị các Quốc gia Thành viên sẽ quyết định chức năng và trách nhiệm của mình.
3. Hội nghị các Quốc gia Thành viên sẽ thông qua Quy định về các Thủ tục.
4. Hội nghị các Quốc gia Thành viên có thể thành lập một Cơ Quan Tư vấn Khoa học và Kỹ thuật bao gồm các chuyên gia do các Quốc gia Thành viên đề cử, xem xét nguyên tắc phân bổ địa lý bình đẳng và cân bằng về giới.
5. Cơ quan Tư vấn Khoa học và Kỹ thuật hỗ trợ Hội nghị các Quốc gia Thành viên một cách hợp lý trong các vấn đề mang tính khoa học hoặc kỹ thuật liên quan đến việc thực hiện các Quy tắc.

Điều 24 Ban Thư ký của Công ước này

1. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm về hoạt động của Ban Thư ký của Công ước

2. Nhiệm vụ của Thư ký bao gồm:
 - (a) tổ chức các Hội nghị các Quốc gia Thành viên như đã nêu trong Điều 23, mục 1; và
 - (b) hỗ trợ các Quốc gia Thành viên trong việc triển khai các quyết định của các Hội nghị các Quốc gia Thành viên.

Điều 25 Giải quyết các tranh chấp một cách hòa bình

1. Bất kỳ tranh chấp nào giữa hai hoặc nhiều Quốc gia Thành viên liên quan tới việc hiểu hay áp dụng Công ước này phải được đàm phán trong sự tin tưởng hoặc được giải quyết bằng các biện pháp giải quyết hòa bình khác được lựa chọn.
2. Nếu tranh chấp không được giải quyết thông qua đàm phán trong một khoảng thời gian hợp lý, tranh chấp có thể được gửi tới UN-ESCO để hòa giải, theo thỏa thuận giữa các Quốc gia Thành viên có liên quan.
3. Nếu việc hòa giải không được thực hiện hoặc không giải quyết được vấn đề, các quy định liên quan tới việc giải quyết tranh chấp theo Phần XV trong Công ước về Luật biển của Liên Hợp Quốc sẽ được áp dụng, với sửa đổi nếu cần, đối với bất kỳ tranh chấp nào giữa các Quốc gia Thành viên của Công ước này, liên quan tới việc hiểu hay áp dụng Công ước, cho dù các Quốc gia đó có phải là Thành viên của Công ước về Luật biển của Liên Hợp Quốc hay không.
4. Bất kỳ quy trình nào được một Quốc gia Thành viên của Công ước này và Công ước về Luật biển của Liên Hợp Quốc lựa chọn theo Điều 287, sẽ áp dụng việc giải quyết tranh chấp theo Điều khoản này, trừ khi Quốc gia Thành viên này, khi phê chuẩn, chấp thuận, thông qua hoặc gia nhập Công ước, hoặc tại bất kỳ thời điểm nào sau đó, lựa chọn một quy trình khác theo Điều 287 cho mục đích giải quyết các tranh chấp phát sinh từ Công ước.
5. Một Quốc gia Thành viên của Công ước này mà không phải là Thành viên của Công ước về Luật biển của Liên Hợp Quốc, khi phê chuẩn, chấp thuận, thông qua hoặc gia nhập Công ước này, hoặc tại bất kỳ

thời điểm nào sau đó, sẽ được tự do lựa chọn, bằng một văn bản tuyên bố, một hoặc nhiều biện pháp đã nêu trong Điều 287, mục 1, trong Công ước về Luật biển của Liên Hợp Quốc cho mục đích giải quyết các tranh chấp theo Điều khoản này. Điều 287 phải được áp dụng trên tuyên bố này, cũng như đối với bất kỳ tranh chấp nào Quốc gia này tham gia mà không được bao hàm trong tuyên bố. Vì mục đích hòa giải và phân xử, theo Phụ lục V và VII trong Công ước về Luật biển của Liên Hợp Quốc, Quốc gia này phải đề cử người hòa giải và trọng tài vào danh sách như đã nêu trong Phụ lục V, Điều 2 và Phụ lục VII, Điều 2, cho việc giải quyết các tranh chấp phát sinh từ Công ước.

Điều 26 Việc phê chuẩn, chấp thuận, thông qua hoặc gia nhập

1. Công ước này sẽ được các Quốc gia Thành viên của UNESCO phê chuẩn, chấp thuận, thông qua hoặc gia nhập.
2. Công ước này sẽ được tán thành:
 - (a) bởi các Quốc gia không phải là thành viên của UNESCO nhưng là thành viên của Liên Hợp Quốc, của một cơ quan chuyên môn trong hệ thống Liên Hợp Quốc hoặc của Cơ quan Năng lượng Nguyên tử Quốc tế, cũng như bởi các Quốc gia Thành viên thuộc Quy chế Tòa án Công lý Quốc tế và bất kỳ Quốc gia nào được Đại Hội đồng UNESCO mời gia nhập Công ước;
 - (b) bởi các vùng lãnh thổ có chế độ chính phủ tự trị đầy đủ, được công nhận bởi Liên Hợp Quốc, nhưng chưa đạt được độc lập hoàn toàn theo nghị quyết 1514 (XV) của Đại Hội đồng và có thẩm quyền với những vấn đề được điều hành bởi Công ước này, trong đó có thẩm quyền tham gia vào các hiệp ước liên quan tới những vấn đề này.
3. Các văn kiện phê chuẩn, chấp thuận, thông qua hoặc gia nhập phải được lưu lại tại văn phòng Tổng Giám đốc.

Điều 27 Hiệu lực thi hành

Công ước này sẽ có hiệu lực thi hành sau ba tháng kể từ ngày lưu trữ văn kiện phê chuẩn thứ hai mươi như được đề cập tại Điều 26, nhưng chỉ đối với hai mươi Quốc gia hoặc vùng lãnh thổ đã nộp văn

kiện. Công ước này sẽ có hiệu lực thi hành đối với mỗi Quốc gia hoặc lãnh thổ sau ba tháng kể từ ngày Quốc gia hoặc lãnh thổ này nộp văn kiện phê chuẩn.

Điều 28 Tuyên bố vùng nước lãnh thổ

Tại thời điểm phê chuẩn, chấp thuận, thông qua hoặc gia nhập Công ước này hoặc tại bất kỳ thời điểm nào sau đó, một Quốc gia hoặc vùng lãnh thổ có thể tuyên bố rằng các Quy tắc sẽ được áp dụng đối với vùng nước lãnh thổ không mang tính chất hàng hải.

Điều 29 Các hạn chế phạm vi địa lý

Tại thời điểm phê chuẩn, chấp thuận, thông qua hoặc gia nhập Công ước này, một Quốc gia hoặc vùng lãnh thổ có thể tuyên bố tới văn phòng lưu trữ rằng Công ước này không được áp dụng với một số phần cụ thể trên lãnh thổ, vùng nước lãnh thổ, vùng quần đảo hoặc vùng lãnh hải, và phải nêu rõ các lý do của tuyên bố. Quốc gia này, trong phạm vi thực tế và trong thời gian ngắn nhất, thúc đẩy các điều kiện theo đó Công ước sẽ áp dụng đối với các khu vực nêu trên, và tới lúc đó, sẽ rút lại toàn bộ hoặc một phần tuyên bố của mình ngay khi các điều kiện đó đưa đến kết quả.

Điều 30 Các hạn chế

Ngoại trừ các hạn chế như trong Điều 29, Công ước sẽ không bị hạn chế bởi bất kỳ điều kiện nào

Điều 31 Các sửa đổi

1. Một Quốc gia Thành viên có thể, bằng văn bản gửi tới Tổng Giám đốc, đề xuất các sửa đổi trong Công ước. Tổng Giám đốc sẽ chuyển thông báo này tới tất cả các Quốc gia Thành viên. Trong vòng sáu tháng kể từ ngày văn bản này được chuyển đi, nếu có không dưới một nửa số các Quốc gia Thành viên phản hồi tích cực với yêu cầu này, Tổng Giám đốc sẽ trình bày đề nghị này tại Hội nghị các Quốc gia Thành viên tiếp theo để thảo luận và thông qua nếu khả thi.

2. Các chỉnh sửa phải được thông qua bởi hai phần ba số Quốc gia Thành viên có mặt và bỏ phiếu.
3. Sau khi đã được thông qua, các chỉnh sửa trong Công ước này phải được các Quốc gia Thành viên phê chuẩn, chấp thuận, thông qua hoặc gia nhập.
4. Các sửa đổi sẽ có hiệu lực, nhưng chỉ đối với các Quốc gia Thành viên đã phê chuẩn, chấp thuận, thông qua hoặc gia nhập những sửa đổi này, sau ba tháng kể từ ngày hai phần ba các Quốc gia Thành viên nộp văn bản đã được đề cập trong mục 3 của Điều khoản này. Sau đó, đối với mỗi Quốc gia hoặc vùng lãnh thổ phê chuẩn, chấp thuận, thông qua hoặc gia nhập đối với Công ước này, sửa đổi sẽ có hiệu lực thi hành sau ba tháng kể từ ngày Quốc gia đó nộp văn kiện phê chuẩn, chấp thuận, thông qua hoặc gia nhập.
5. Một Quốc gia hoặc lãnh thổ trở thành Thành viên của Công ước này sau khi các sửa đổi có hiệu lực theo mục 4 của Điều khoản này sẽ, nếu không có ý định gì khác, sẽ được coi là:
 - (a) Thành viên của Công ước đã được chỉnh sửa này; và
 - (b) Thành viên của Công ước chưa được chỉnh sửa trong mối liên quan với các Quốc gia Thành viên không bị ràng buộc bởi các sửa đổi.

Điều 32 Tuyên bố bãi ước

1. Một Quốc gia Thành viên có thể tuyên bố bãi ước Công ước này bằng cách gửi thông báo bằng văn bản tới Tổng Giám đốc.
2. Tuyên bố bãi ước sẽ có hiệu lực sau mười hai tháng kể từ ngày nhận được thông báo, trừ khi việc thông báo quy định cụ thể một ngày sau đó.
3. Tuyên bố bãi ước không làm ảnh hưởng tới nhiệm vụ của bất kỳ Quốc gia Thành viên nào trong việc thực hiện các nghĩa vụ của Công ước này nếu đây cũng là ràng buộc của luật pháp quốc tế độc lập với Công ước này.

Điều 33 Các Quy tắc

Các Quy tắc trong phần phụ lục của Công ước này là một phần không thể tách rời và, trừ khi được nêu rõ, việc nhắc tới Công ước này đồng nghĩa với việc nhắc tới các Quy tắc.

Điều 34 Việc đăng ký với Liên Hợp Quốc

Theo Điều 102 trong Hiến chương Liên Hợp Quốc, Công ước này phải được đăng ký với Ban Thư ký của Liên Hợp Quốc theo yêu cầu của Tổng Giám đốc.

Điều 35 Nội dung có thẩm quyền

Công ước này đã được soạn thảo bằng tiếng Ả Rập, Trung Quốc, Anh, Pháp, Nga và Tây Ban Nha, cả sáu bản đều có thẩm quyền ngang nhau.

PHỤ LỤC

CÁC QUY TẮC LIÊN QUAN TỚI HOẠT ĐỘNG TÁC ĐỘNG TRỰC TIẾP VÀO DI SẢN VĂN HÓA DƯỚI NƯỚC

I NGUYÊN TẮC CHUNG

Quy tắc 1. Việc bảo vệ di sản văn hóa dưới nước thông qua công tác bảo tồn tại chỗ phải được coi là lựa chọn đầu tiên. Theo đó, các hoạt động tác động trực tiếp vào di sản văn hóa dưới nước phải được cấp phép một cách thống nhất với việc bảo vệ di sản, và yêu cầu này có thể được cấp phép vì mục đích đóng góp đáng kể cho kiến thức hoặc việc bảo vệ, củng cố di sản văn hóa dưới nước.

Quy tắc 2. Việc khai thác thương mại di sản văn hóa dưới nước thông qua hình thức kinh doanh, đầu cơ hoặc phát tán vĩnh viễn về cơ bản là không phù hợp với việc bảo vệ và quản lý phù hợp đối với di sản văn hóa dưới nước. Không được phép kinh doanh, mua, bán hoặc trao đổi di sản văn hóa dưới nước như hàng hóa thương mại.

Quy tắc này không mang nghĩa ngăn chặn:

- (a) việc cung cấp các dịch vụ khảo cổ học chuyên nghiệp hoặc các dịch vụ cần thiết mà bản chất và mục đích hoàn toàn phù hợp với Công ước này và được sự cho phép của các cơ quan có thẩm quyền;
- (b) việc lưu giữ di sản văn hóa dưới nước, được khai quật trong một dự án nghiên cứu phù hợp với Công ước này, với điều kiện việc lưu giữ này không ảnh hưởng tới các lợi ích mang tính khoa học hoặc văn hóa hoặc tính toàn vẹn của các vật liệu thu về hoặc kết quả trong việc phát tán vĩnh viễn; là phù hợp với các quy định trong Quy tắc 33 và 34; và tùy thuộc vào sự cho phép của các cơ quan có thẩm quyền.

Quy tắc 3. Các hoạt động nhằm trực tiếp vào di sản văn hóa dưới nước không được phép ảnh hưởng tới di sản văn hóa dưới nước nhiều hơn mức độ cần thiết cho các mục tiêu của dự án.

- Quy tắc 4.** Các hoạt động nhằm trực tiếp vào di sản văn hóa dưới nước phải sử dụng các kỹ thuật và phương pháp điều tra không có khả năng phá hủy để ưu tiên cho việc phục hồi các di vật. Nếu việc khai quật hoặc phục hồi là cần thiết cho mục đích nghiên cứu khoa học hoặc bảo vệ di sản văn hóa dưới nước, các phương pháp và kỹ thuật được sử dụng phải ít tính phá hủy và góp phần vào việc bảo tồn các dấu tích còn lại.
- Quy tắc 5.** Các hoạt động nhằm trực tiếp vào di sản văn hóa dưới nước cần tránh những xáo trộn không cần thiết tới các bộ hài cốt người hoặc những khu vực tôn nghiêm.
- Quy tắc 6.** Các hoạt động nhằm trực tiếp vào di sản văn hóa dưới nước phải được kiểm soát chặt chẽ nhằm đảm bảo việc ghi chép chính xác các thông tin mang tính văn hóa, lịch sử và khảo cổ học.
- Quy tắc 7.** Công chúng được khuyến khích tiếp cận di sản văn hóa dưới nước tại chỗ, trừ khi không phù hợp với công tác bảo vệ và quản lý.
- Quy tắc 8.** Hợp tác quốc tế trong việc tiến hành các hoạt động nhằm trực tiếp vào di sản văn hóa dưới nước được khuyến khích nhằm tiếp tục trao đổi hoặc sử dụng có hiệu quả các nhà khảo cổ học hoặc các chuyên gia khác có liên quan.

II ĐỀ CƯƠNG DỰ ÁN

- Quy tắc 9.** Trước khi tiến hành một hoạt động nhằm trực tiếp vào di sản văn hóa dưới nước, một bản đề cương dự án cho hoạt động phải được xây dựng và đệ trình lên các cơ quan có thẩm quyền để được cấp phép và được chuyên gia đánh giá.
- Quy tắc 10.** Đề cương dự án bao gồm:
- (a) bản đánh giá các nghiên cứu trước đây hoặc các nghiên cứu sơ bộ;
 - (b) tuyên bố và các mục tiêu của dự án;
 - (c) phương pháp được sử dụng và các kỹ thuật được áp dụng;

- (d) kinh phí dự kiến;
- (e) thời gian biểu dự kiến để hoàn thành dự án;
- (f) thành phần của nhóm dự án cũng như trình độ, trách nhiệm và kinh nghiệm của từng thành viên trong nhóm;
- (g) các kế hoạch cho việc phân tích sau thực địa và các hoạt động khác;
- (h) chương trình bảo tồn các đồ tạo tác và di sản với sự hợp tác chặt chẽ với các cơ quan có thẩm quyền;
- (i) chính sách quản lý và duy trì di sản trong suốt thời gian của dự án;
- (j) chương trình tư liệu hóa;
- (k) chính sách an toàn;
- (l) chính sách môi trường;
- (m) các thỏa thuận hợp tác với bảo tàng và các tổ chức khác, đặc biệt là các viện nghiên cứu khoa học;
- (n) quá trình chuẩn bị báo cáo;
- (o) lưu trữ các tài liệu, trong đó có các di sản văn hóa dưới nước đã được di dời; và
- (p) chương trình xuất bản.

Quy tắc 11. Các hoạt động nhằm trực tiếp vào di sản văn hóa dưới nước phải được thực hiện một cách phù hợp với đề cương dự án đã được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Quy tắc 12. Trong trường hợp có các phát hiện bất ngờ hoặc thay đổi về hoàn cảnh, đề cương dự án phải được xem xét và chỉnh sửa với sự chấp thuận của các cơ quan có thẩm quyền.

Quy tắc 13. Trong các trường hợp khẩn cấp hoặc khám phá bất ngờ, các hoạt động nhằm trực tiếp vào di sản văn hóa dưới nước, trong đó có các

biện pháp bảo tồn hoặc các hoạt động trong thời gian ngắn, đặc biệt việc ổn định di sản, có thể được cho phép ngay cả khi không có đề cương dự án nhằm bảo vệ di sản văn hóa dưới nước.

III CÔNG VIỆC SƠ BỘ

- Quy tắc 14.** Công việc sơ bộ như đã đề cập trong Quy tắc 10 (a) bao gồm một bản đánh giá tầm quan trọng và khả năng bị hư hại của di sản văn hóa dưới nước và môi trường tự nhiên mà dự án đề xuất có thể gây ra, và tiềm năng thu thập dữ liệu đáp ứng các mục tiêu của dự án.
- Quy tắc 15.** Bản đánh giá cũng bao gồm các nghiên cứu cơ sở về các bằng chứng lịch sử và khảo cổ còn tồn tại, các đặc tính khảo cổ và môi trường của địa điểm, và các hậu quả của bất kỳ việc xâm phạm tiềm năng nào đối với sự ổn định lâu dài của di sản văn hóa dưới nước chịu ảnh hưởng bởi các hoạt động.

IV MỤC TIÊU, PHƯƠNG PHÁP VÀ KỸ THUẬT CỦA DỰ ÁN

- Quy tắc 16.** Phương pháp thực hiện phải phù hợp với các mục tiêu của dự án, và các kỹ thuật được ứng dụng hạn chế tính phá hủy ở mức tối đa.

V TÀI TRỢ

- Quy tắc 17.** Ngoại trừ trong các trường hợp khẩn cấp để bảo vệ di sản văn hóa dưới nước, một cơ sở kinh phí phù hợp phải được đảm bảo trước khi triển khai các hoạt động, đủ để hoàn thành tất cả các giai đoạn trong đề cương dự án, bao gồm việc bảo tồn, tư liệu hóa và giám tuyến các đồ tạo tác đã được phục chế, cũng như việc chuẩn bị và phổ biến báo cáo.
- Quy tắc 18.** Đề cương dự án phải thể hiện khả năng thực hiện chẳng hạn như bằng cách đảm bảo một trái phiếu, tài trợ dự án cho đến khi hoàn thành.

Quy tắc 19. Đề cương dự án phải bao gồm một kế hoạch dự phòng để đảm bảo việc bảo tồn di sản văn hóa dưới nước cũng như các tài liệu hỗ trợ trong trường hợp nguồn kinh phí dự kiến bị gián đoạn.

VI THỜI GIAN DỰ ÁN – THỜI GIAN BIỂU

Quy tắc 20. Một thời gian biểu đầy đủ phải được lập trước khi thi hành bất kỳ hoạt động nào nhằm trực tiếp vào di sản văn hóa dưới nước để đảm bảo việc hoàn thành tất cả các giai đoạn trong đề cương dự án, bao gồm việc bảo tồn, tư liệu hóa và giám tuyển di sản văn hóa dưới nước đã được khai quật, cũng như việc chuẩn bị và phổ biến báo cáo.

Quy tắc 21. Đề cương dự án phải bao gồm một kế hoạch dự phòng để đảm bảo việc bảo tồn di sản văn hóa dưới nước cũng như các tài liệu hỗ trợ trong trường hợp dự án bị gián đoạn hoặc chấm dứt.

VII THẨM QUYỀN VÀ TRÌNH ĐỘ

Quy tắc 22. Các hoạt động nhằm trực tiếp vào di sản văn hóa dưới nước phải được thực hiện dưới sự chỉ đạo và kiểm soát, với sự hiện diện thường xuyên của một nhà khảo cổ dưới nước đủ trình độ có thẩm quyền khoa học phù hợp với dự án.

Quy tắc 23. Nhân sự trong nhóm dự án phải đủ trình độ và chứng minh được khả năng phù hợp với vai trò của mình trong dự án.

VIII VIỆC BẢO TỒN VÀ QUẢN LÝ DI SẢN

Quy tắc 24. Cần có chương trình bảo tồn hỗ trợ việc xử lý các dấu tích khảo cổ trong các hoạt động nhằm trực tiếp vào di sản văn hóa dưới nước, trong quá trình chuyển giao và thời gian sau đó. Việc bảo tồn phải được thực hiện theo đúng các tiêu chuẩn chuyên nghiệp hiện hành.

Quy tắc 25. Cần có chương trình quản lý di sản hỗ trợ cho việc bảo vệ và quản lý di sản văn hóa dưới nước tại chỗ, trong suốt quá trình và sau khi chấm dứt hoạt động thực địa. Chương trình bao gồm thông tin cho công chúng, đảm bảo cho việc ổn định, giám sát và bảo vệ di sản trước can thiệp bên ngoài.

IX TƯ LIỆU HÓA

Quy tắc 26. Chương trình tư liệu hóa phải được đặt ra quy trình thấu đáo, bao gồm báo cáo tiến độ các hoạt động nhằm trực tiếp vào di sản văn hóa dưới nước, phù hợp với các tiêu chuẩn chuyên nghiệp hiện hành về tư liệu hóa khảo cổ.

Quy tắc 27. Tư liệu hóa bao gồm, ở mức tối thiểu, hồ sơ toàn diện của di sản trong đó có cả nguồn gốc của di sản văn hóa dưới nước đã được di dời hoặc dỡ bỏ trong suốt quá trình thực hiện các hoạt động nhằm trực tiếp vào di sản văn hóa dưới nước, các ghi chép thực địa, kế hoạch, bản vẽ, trích đoạn, và tranh ảnh hoặc bản ghi âm trên các phương tiện truyền thông khác.

X AN TOÀN

Quy tắc 28. Một chính sách an toàn phải được chuẩn bị đầy đủ để đảm bảo sự an toàn và sức khỏe của nhóm thực hiện dự án và các bên thứ ba, đồng thời phải tuân thủ các yêu cầu nghề nghiệp và luật pháp hiện hành.

XI MÔI TRƯỜNG

Quy tắc 29. Một chính sách môi trường phải được chuẩn bị đầy đủ để đảm bảo cho hệ sinh thái đáy biển và đại dương không bị quá xáo trộn.

XII BÁO CÁO

Quy tắc 30. Các báo cáo giữa kỳ và cuối kỳ phải được thực hiện theo thời gian biểu đặt ra trong đề cương dự án, đồng thời được lưu trữ trong các hồ sơ phù hợp để công chúng có thể tiếp cận.

Quy tắc 31. Các báo cáo phải bao gồm:

- (a) bản mô tả các mục tiêu;
- (b) bản mô tả các phương pháp và kỹ thuật được áp dụng;
- (c) bản mô tả các kết quả đạt được;
- (d) tư liệu đồ họa và ảnh về tất cả các giai đoạn hoạt động;
- (e) các khuyến nghị liên quan tới việc bảo tồn và giám tuyển của vùng di sản và của mọi di sản văn hóa dưới nước đã bị di rời;
- (f) các khuyến nghị về các hoạt động trong tương lai.

XIII LƯU TRỮ TÀI LIỆU DỰ ÁN

Quy tắc 32. Các thỏa thuận liên quan tới việc lưu trữ tài liệu dự án phải được thống nhất trước khi khởi động bất kỳ hoạt động nào, và phải được quy định rõ trong đề cương dự án.

Quy tắc 33. Các tài liệu dự án, bao gồm mọi di sản văn hóa dưới nước đã bị di rời và bản sao của tất cả các tài liệu hỗ trợ phải được giữ nguyên vẹn thành một bộ sưu tập và luôn có sẵn để phục vụ công chúng và các chuyên gia, cũng như tiện lợi cho việc giám tuyển các tài liệu dự án. Điều này phải được thực hiện càng sớm càng tốt và trong bất kỳ trường hợp nào cũng không được muộn hơn 10 năm kể từ ngày hoàn thành dự án, tương thích với việc bảo tồn di sản văn hóa dưới nước.

Quy tắc 34. Các lưu trữ dự án phải được quản lý theo các tiêu chuẩn chuyên nghiệp quốc tế, và phụ thuộc vào sự cho phép của các cơ quan có thẩm quyền.

XIV PHỔ BIẾN

Quy tắc 35. Các dự án cần phục vụ việc giáo dục công chúng cũng như trình bày phổ biến kết quả dự án khi thích hợp.

Quy tắc 36. Báo cáo tổng hợp cuối cùng của dự án sẽ:

- (a) được công bố rộng rãi càng sớm càng tốt, cân nhắc tới mức độ phức tạp của dự án và tính bảo mật hoặc nhạy cảm của các thông tin; và
- (b) được lưu trữ trong các hồ sơ công có liên quan.

Được thực hiện tại Paris vào ngày 6 tháng 11 năm 2001 trong hai bản xác thực có chữ ký của Chủ tịch phiên họp Đại Hội đồng thứ 31 và của Tổng Giám đốc Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa Liên Hợp Quốc, và sẽ được lưu trữ trong kho tư liệu Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa Liên Hợp Quốc, đồng thời các bản sao chứng thực sẽ được gửi tới tất cả các Quốc gia và vùng lãnh thổ được đề cập trong Điều 26 cũng như tới Liên Hợp Quốc.

Nơi lưu trữ:

UNESCO

Hiệu lực thi hành:

Theo Điều 27, Công ước này sẽ có hiệu lực thi hành vào ngày 2 tháng 1 năm 2009 đối với những Quốc gia đã gửi các văn kiện phê chuẩn, chấp thuận, thông qua hoặc gia nhập vào hoặc trước ngày 2 tháng 10 năm 2008. Công ước này sẽ có hiệu lực thi hành với những Quốc gia khác sau ba tháng kể từ ngày Quốc gia này gửi văn kiện phê chuẩn, chấp thuận, tán thành hoặc đồng ý.



United Nations
Educational, Scientific and
Cultural Organization



The Protection of the
Underwater Cultural Heritage

*Để có thêm thông tin chi tiết,
xin vui lòng liên hệ:*

Văn phòng UNESCO tại Việt Nam

23 Cao Bá Quát, Ba Đình, Hà Nội

Tel: 043 747 0275

Email: registry@unesco.org.vn

<http://unesco.org/new/en/hanoi>

